

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP Ở HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

Bùi Võ Quảng

Huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

*Email: quangvotn@gmail.com

Ngày nhận bài: 30/5/2018; ngày hoàn thành phần biên: 6/6/2018; ngày duyệt đăng: 8/6/2018

TÓM TẮT

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội và dân số ngày càng tăng đang tạo áp lực cho quỹ đất của huyện Phú Ninh, nhất là quỹ đất nông nghiệp, biến động sử dụng đất nông nghiệp ngày càng phức tạp và khó kiểm soát. Bài báo nghiên cứu đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Phú Ninh giai đoạn 2011 – 2016. Kết quả đánh giá các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đều có hiệu quả kinh tế mức trung bình đến khá. Xét về hiệu quả của cả 3 yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường thì chỉ có loại hình trồng lúa và sắn là thấp nhất, các loại hình còn lại ở mức khá. Kết quả đánh giá có thể làm cơ sở cho những phân tích tiếp theo về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững.

Từ khóa: Phú Ninh, đất nông nghiệp, hiệu quả sử dụng đất

1. MỞ ĐẦU

Năm 2011, Phú Ninh là một trong 05 huyện của cả nước được Trung ương chọn xây dựng huyện điểm quốc gia về nông thôn mới. Với sự đầu tư nguồn lực từ Trung ương và tỉnh Quảng Nam, cùng với phát huy nội lực của địa phương, trong những năm qua, nền sản xuất nông nghiệp của Huyện đã được chú trọng đầu tư phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá; đất nông nghiệp được quy hoạch, quản lý, sử dụng khá hiệu quả. Kết quả đạt được tương đối tốt, tuy nhiên Phú Ninh vẫn là một huyện nông nghiệp, lao động nông lâm nghiệp chiếm 44,86% tỷ lệ lao động của toàn Huyện.

Việc nghiên cứu đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất và định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, nâng chuẩn huyện nông thôn mới là một yêu cầu hết sức quan trọng và cần thiết.

Ngoài ra, dữ liệu sơ cấp được sử dụng để đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp được thu thập thông qua lựa chọn ngẫu nhiên các hộ gia đình để phỏng vấn bằng các phiếu điều tra để thu thập các thông tin về nguồn thu nhập và mức đầu tư cho các loại hình sử dụng đất như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, năng suất, sản lượng, giá bán, một số thông tin về môi trường, những thuận lợi, khó khăn trong phát triển kinh tế.

Kết quả điều tra được sử dụng để phân tích các chi phí, lợi ích nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế của sản xuất nông lâm nghiệp chủ yếu theo loại hình sản xuất.

2.3. Các phương pháp nghiên cứu

a. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp

Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, các loại hình tài nguyên và chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành liên quan đến sử dụng đất sản xuất nông nghiệp từ các phòng ban như: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế - Hạ tầng... thuộc UBND huyện Phú Ninh.

Thu thập thông tin, số liệu về quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các số liệu thống kê, kiểm kê đất đai qua các năm từ các cơ quan như: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Chi cục Thống kê huyện Phú Ninh.

b. Phương pháp khảo sát thực địa

Tiến hành khảo sát thực địa tại 11 xã, thị trấn thuộc huyện gồm 03 cụm xã: Tam Đàn, Tam An, Tam Phước, Tam Thành; Tam Lộc, Tam Vinh, Phú Thịnh, Tam Thái, Tam Đại; Tam Dân, Tam Lãnh thông qua việc dùng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ địa chính... nhằm tìm hiểu về tình hình sản xuất, hình thức canh tác của các loại cây trồng, xem xét về hiện trạng sử dụng đất, sự phân bố các hạng đất để làm cơ sở cho việc đánh giá hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp huyện Phú Ninh.

c. Phương pháp điều tra xã hội học

Đầu tiên, tiến hành phỏng vấn các cán bộ ở Phòng Nông nghiệp huyện để lựa chọn các xã, có nhiều diện tích đất nông nghiệp lớn trong khu vực nghiên cứu.

Sau đó, lựa chọn ngẫu nhiên các hộ gia đình ở các xã nói trên để phỏng vấn bằng các phiếu điều tra để thu thập các thông tin về nguồn thu nhập và mức đầu tư cho các loại hình sử dụng đất như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, năng suất, sản lượng, giá bán, một số thông tin về môi trường, những thuận lợi, khó khăn trong phát triển kinh tế. Nội dung phiếu điều tra bao gồm các thông tin chung về hộ gia đình, thông tin về kết quả sản xuất nông lâm nghiệp liên quan đến doanh thu và chi

Kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

phí của các loại cây hàng năm và lâu năm, những thuận lợi và khó khăn trong sản xuất, nguyện vọng của các hộ gia đình.

Kết quả điều tra được sử dụng để phân tích các chi phí, lợi ích nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế của sản xuất nông lâm nghiệp chủ yếu ở địa bàn nghiên cứu theo loại hình sản xuất.

d. Phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

- Đánh giá hiệu quả kinh tế

Phương pháp được sử dụng để đánh giá hiệu quả kinh tế ở địa bàn huyện Phú Ninh là phương pháp phân tích chi phí - lợi ích. Hiệu quả kinh tế đối với các loại cây trồng chính được xác định dựa vào các chỉ tiêu chủ yếu sau:

+ *Tổng giá trị sản xuất thu được (GO)*: Là tổng thu nhập của một mô hình hay loại hình sử dụng đất nào đó. Công thức tính là: $GO = Q_i * P_i$

Trong đó: Q_i - là khối lượng của sản phẩm thứ i ;

P_i - là giá của sản phẩm thứ i .

+ *Chi phí trung gian (IC)*: Là chi phí cho một đơn vị sản xuất, trong một khoảng thời gian. Ở đây nó bao gồm những chi phí vật chất và dịch vụ cho sản xuất mà chưa kể công lao động và chưa trừ khấu hao.

+ *Giá trị gia tăng (VA)*: Là giá trị tăng thêm so với chi phí sản xuất bỏ ra (chưa kể khấu hao tài sản cố định). Công thức tính như sau: $VA = GO - IC$

+ *Tổng số ngày công lao động (CL)*: Là tổng số ngày công lao động phải bỏ ra từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc mùa vụ trên một đơn vị diện tích, trong một khoảng thời gian nào đó (thường là 1 năm). Loại chi phí này bao gồm: Công gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch... Nó tùy thuộc vào mức độ đầu tư, thâm canh của từng hộ.

+ *Giá trị ngày công lao động (VC)*: Bằng phần giá trị gia tăng (VA) chia cho tổng số ngày công lao động (CL). Công thức tính: $VC = VA/CL$

+ *Lợi nhuận (Pr)*: Là phần thu được sau khi đã trừ đi toàn bộ chi phí (TC), bao gồm chi phí vật chất, các dịch vụ cho sản xuất, công lao động và khấu hao tài sản cố định. Công thức tính: $Pr = GO - TC$

+ *Hiệu suất đồng vốn (HS)*: Chỉ tiêu này phản ánh trong một năm hoặc một kỳ sản xuất một đồng chi phí trung gian tạo ra được bao nhiêu đồng giá trị gia tăng. Công thức tính là: $HS = VA/IC$

(Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Phú Ninh)

- Hiệu quả xã hội

Một số chỉ tiêu được đề cập khi đánh giá hiệu quả xã hội trong phạm vi nghiên cứu bao gồm khả năng cung cấp sản phẩm cho thị trường, giá trị ngày công lao động và chuyển giao khoa học công nghệ.

- Hiệu quả môi trường

Trong phạm vi nghiên cứu của bài báo, hiệu quả môi trường phản ánh ở khía cạnh chống xói mòn đất, mức độ sử dụng phân bón và các loại thuốc bảo vệ thực vật.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp

Trong tổng diện tích tự nhiên của huyện Phú Ninh, diện tích nhóm đất nông nghiệp là 19.457,96 ha, chiếm 76,11% diện tích tự nhiên [1]. Trong đó cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp năm 2016 được thể hiện qua bảng 1.

Bảng 1. Diện tích và cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp năm 2016

| STT | LOẠI ĐẤT | Mã | Tổng diện tích (ha) | Cơ cấu (%) |
|------|--------------------------|-----|---------------------|------------|
| 1. | Đất sản xuất nông nghiệp | SXN | 11.783,73 | 46,09 |
| 1.1. | Đất trồng cây hàng năm | CHN | 6.805,82 | 26,62 |
| 1.2. | Đất trồng lúa | LUA | 4.707,44 | 18,41 |
| 1.4. | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 4.977,91 | 19,47 |
| 2. | Đất lâm nghiệp | LNP | 7.639,18 | 29,88 |
| 2.1. | Đất rừng sản xuất | RSX | 5.241,55 | 20,50 |
| 2.2. | Đất rừng phòng hộ | RPH | 2.397,63 | 9,38 |

Nguồn [1]

Qua bảng 1 có thể thấy rằng đất sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ 46,09% trong tổng đất nông nghiệp, phần lớn tập trung sử dụng trồng cây hàng năm với diện tích 6.805,82 ha, đất trồng cây lâu năm chiếm 18,47%, đất trồng lúa chỉ chiếm 18,41%. Đất lâm nghiệp chủ yếu được sử dụng cho mục đích trồng rừng sản xuất chiếm 20,50%.

3.2. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

a. Hiệu quả về kinh tế

Sau khi các chỉ tiêu đã được lựa chọn, hiệu quả kinh tế các loại cây trồng chủ yếu của huyện được xác định thông qua việc đánh giá định lượng bằng tiền theo thời giá hiện hành ở huyện Phú Ninh (tháng 12/2016) theo 3 cấp độ khác nhau: Cao, trung bình, thấp.

Trên cơ sở số liệu thu thập được qua phỏng vấn nông hộ, phỏng vấn cán bộ chuyên môn và số liệu từ các cơ quan chuyên môn của huyện, của tỉnh, số liệu thống

Kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

kê hàng năm, tiến hành phân tích và tổng hợp các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả một số loại hình sử dụng đất chính như sau:

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế của các loại hình sử dụng đất chủ yếu năm 2016

| Loại cây trồng | Tổng giá trị sản xuất thu được (GO) trên 1ha/năm (1.000đ) | Chi phí trung gian (IC) trên 1ha/năm (1.000đ) | Giá trị gia tăng (VA) trên 1ha/năm (1.000đ) | Chi phí công lao động (CL)/ha/năm (công) | Giá trị ngày công lao động (VC) (1.000đ) | Hiệu suất đồng vốn (HS) (lần) |
|------------------|---|---|---|--|--|-------------------------------|
| Lúa | 35.700 | 15.000 | 20.700 | 380 | 54,47 | 1,38 |
| Ngô | 37.500 | 10.700 | 26.800 | 260 | 103,00 | 2,5 |
| Khoai lang | 49.200 | 13.760 | 35.440 | 147 | 241,00 | 2,6 |
| Sắn (mì) | 17.800 | 12.400 | 5.100 | 98 | 52,00 | 0,4 |
| Đậu các loại | 56.650 | 9.950 | 46.700 | 216 | 216,00 | 4,9 |
| Rau, củ, dưa hấu | 149.800 | 24.300 | 125.500 | 397 | 316,12 | 5,16 |

* Nguồn: Điều tra nông hộ và phân tích nội nghiệp

Định lượng kết quả đánh giá bằng cách cho điểm theo từng tiêu chí: Các tiêu chí ở bảng 2 được cho điểm tương ứng với từng mức độ: Cao = 3 điểm; Trung bình = 2 điểm; Thấp = 1 điểm. Riêng tiêu chí Chi phí trung gian (IC) được cho điểm ngược lại là: Cao = 1 điểm; Trung bình = 2 điểm; Thấp = 3 điểm. Kết quả như sau:

Bảng 3. Bảng điểm đánh giá loại hình sử dụng đất có hiệu quả kinh tế năm 2016

| Loại cây trồng | Tổng giá trị sản xuất thu được (GO) trên 1ha/năm | Chi phí trung gian (IC) trên 1ha/năm | Giá trị gia tăng (VA) trên 1ha/năm | Giá trị ngày công lao động (VC) | Hiệu suất đồng vốn (HS) | Tổng |
|------------------|--|--------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------|
| Lúa | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 9 |
| Ngô | 2 | 2 | 3 | 2 | 3 | 12 |
| Khoai lang | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 | 13 |
| Sắn (mì) | 1 | 2 | 1 | 1 | 1 | 6 |
| Đậu các loại | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 15 |
| Rau, củ, dưa hấu | 3 | 1 | 3 | 3 | 3 | 13 |

Kết quả cho thấy loại hình rau, củ, dưa hấu là loại hình cho hiệu quả kinh tế cao nhất, mặc dù chi phí trung gian, cũng như số công lao động cao hơn các loại hình khác, nhưng giá trị gia tăng thu được trên mỗi héc ta rất cao (đạt đến 125,5 triệu đồng); giá trị ngày công lao động đạt 316.120 đồng là rất cao so với nhiều loại cây hàng năm ở

địa phương. Hiệu suất đồng vốn đạt đến 5,16 lần, cao gấp trên 10 lần so với sắn, gấp 4 lần so với lúa, gấp trên 2 lần so với khoai lang và ngô. Vì vậy, nên khuyến khích nhân rộng loại hình rau, củ và cây dưa hấu ở những vùng đất phù hợp trên địa bàn huyện.

Loại hình sử dụng đất trồng cây đậu cũng là một loại hình có giá trị kinh tế cao ở địa phương, với chi phí trung gian thấp (9,95 triệu đồng), thấp hơn rất nhiều so với hầu hết cây trồng khác ở địa phương, chỉ bằng hơn 1/3 chi phí của cây rau, nhưng có giá trị gia tăng thu được cao hơn nhiều loại cây trồng khác, chỉ xếp sau cây rau. Hiệu suất đồng vốn đạt 4,9 lần, cao hơn gấp 12 lần cây sắn, gấp 3,5 lần cây lúa, cao hơn gần gấp 2 lần cây ngô và khoai lang. Đây là loại hình có tác dụng cải tạo đất rất tốt, với giá bán khá cao, giá trị ngày công lao động cao. Vì vậy, đây là loại cây trồng nên khuyến khích phát triển.

Khoai lang cũng là một loại hình sử dụng đất cho hiệu quả kinh tế khá cao, với chi phí trung gian ở mức trung bình, nhưng thu được giá trị gia tăng cao hơn nhiều so với nhiều cây trồng hàng năm khác, gấp 6 lần so với cây sắn, chỉ xếp sau cây rau và đậu các loại. Giá trị ngày công lao động đạt 241.000 đồng là rất cao so với mặt bằng chung hiện nay tại địa phương. Hiệu suất đồng vốn đạt 2,57 lần, cao gấp 6 lần cây sắn, gấp 2 lần cây lúa. Qua nhiều năm, năng suất có chiều hướng nhích lên, nhưng diện tích lại giảm nhẹ. So với nhiều cây trồng còn lại thì khoai lang có diện tích tương đối khiêm tốn. Với hiệu quả kinh tế đạt được, cũng như khả năng thích nghi, loại hình này cần được nhân rộng ở những vùng đất phù hợp.

Loại hình cây ngô (bắp) cho hiệu quả kinh tế khả quan, với chi phí trung gian ở mức trung bình thấp, nhưng giá trị gia tăng thu được khá cao trên mỗi héc ta, đạt gần 27 triệu đồng, cao gấp 5 lần cây sắn, gấp 1,3 lần cây lúa. Hiệu suất đồng vốn ở mức cao, nhưng giá trị ngày công lao động ở mức trung bình 103.000 đồng. Do đó, trong các năm gần đây, tuy năng suất có cải thiện và có một số mô hình trình diễn của cơ quan khuyến nông có hiệu quả, nhưng diện tích có xu hướng không ổn định. Đây là loại hình sử dụng đất cần được khuyến khích.

Loại hình cây lúa là loại hình cho hiệu quả kinh tế thấp so với các loại hình sử dụng đất đã nêu, giá trị ngày công lao động chỉ 54.000 đồng là rất thấp so với mặt bằng. Giá trị gia tăng và hiệu suất đồng vốn đều ở mức trung bình. Tuy nhiên, đây là loại hình sử dụng đất phổ biến và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương, đang được Nhà nước yêu cầu phải bảo vệ diện tích đất canh tác nghiêm ngặt, giúp ổn định lương thực địa phương và góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Do đó, mặc dù theo quy luật phát triển thì diện tích sẽ giảm, nhưng cần có giải pháp để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm lúa gạo, làm tăng giá trị hàng hóa, nhằm duy trì loại hình này.

Loại hình cây sắn (mì) cho hiệu quả kinh tế ở mức thấp so với nhiều loại cây trồng trong địa phương, với chi phí trung gian ở mức trung bình. Giá trị gia tăng thu

Kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

được cũng rất thấp, chỉ 5,1 triệu đồng trên mỗi héc ta, bằng chưa đến 0,1 lần so với cây rau, chưa đến 0,4 lần so với các cây trồng hàng năm khác. Giá trị ngày công lao động cũng xếp vào nhóm thấp nhất, chỉ 52.000 đồng. Hiệu suất đồng vốn đạt chỉ 0,4 lần là quá thấp. Đây không phải là cây trồng thế mạnh của huyện, trong nhiều năm, diện tích biến động thiếu ổn định. Do đó, loại cây trồng này chỉ nên duy trì ở những vùng đất đã có và trồng xen tại các vùng trồng cây nguyên liệu gỗ, không quy hoạch mở rộng phát triển.

3.2. Hiệu quả về xã hội

Tiến hành so sánh mức đầu tư lao động và hiệu quả kinh tế tính bình quân theo lao động của mỗi kiểu sử dụng đất trên địa bàn để đánh giá hiệu quả xã hội của các loại cây trồng chính trong sản xuất nông nghiệp. Kết quả cho thấy:

- Loại hình sử dụng đất trồng lúa

Loại hình sử dụng đất trồng lúa với nhu cầu 380 ngày công cho mỗi héc ta trong một năm là ở mức cao, cao thứ hai trong các loại hình sử dụng đất phổ biến tại địa phương; cao hơn gấp 4 lần so với loại hình trồng sắn, cao gấp 3 lần loại hình trồng khoai lang, cao gấp 1,8 lần loại hình trồng đậu. Vì vậy có khả năng giải quyết khá nhiều công lao động tại chỗ. Lúa là cây lương thực chính của người dân, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu ở đây, là cây trồng truyền thống của địa phương. Các giống mới được đưa vào sản xuất cho năng suất cao, chất lượng tốt, là cây đảm bảo an ninh lương thực và một phần lưu thông trên thị trường. Tuy nhiên đầu tư công lao động trong loại hình trồng lúa chỉ tập trung vào một số thời gian như làm đất, gieo sạ, tía dặm, làm cỏ và thu hoạch, còn lại là thời gian nông nhàn, nên loại hình trồng lúa về mặt xã hội tính bền vững không cao. Hơn nữa, so với nhiều loại hình sử dụng đất khác thì giá trị ngày công lao động của cây lúa ở mức thấp nhất, xấp xỉ giá trị ngày công của loại hình cây sắn; chỉ bằng 0,2 lần giá trị ngày công lao động của cây rau, cây đậu và khoai lang, bằng 0,5 lần cây ngô.

- Loại hình sử dụng đất trồng dưa hấu, rau

Đây cũng là loại hình có nhu cầu công lao động lớn tại địa phương, với 397 công lao động trong một năm cho một héc ta dưa, rau; gấp nhiều lần so với loại hình trồng cây sắn, khoai lang, đậu. Vì vậy, cùng với cây lúa, đây là một loại hình sản xuất giải quyết được lượng lớn lao động tại chỗ, cũng là loại hình khá phù hợp với điều kiện đất đai địa phương, có thể trồng được nhiều vụ trong năm, nên khả năng thu hút lao động khá lớn. Cây dưa và rau có giá trị kinh tế cao nên thu hút rất nhiều lao động tham gia, sản phẩm bán chủ yếu là sản phẩm tươi, có thị trường tiêu thụ thuận lợi. Giá trị ngày công lao động đạt 316.120 đồng là cao hơn gấp nhiều lần so với nhiều loại hình khác, cao gấp 6 lần công lao động trồng lúa, sắn, hơn gấp 3 lần công cây ngô. Với các ưu thế đó, đây là một loại hình rất bền vững về mặt xã hội, do đó nên nhân

rộng mô hình này.

- Loại hình sử dụng đất trồng ngô

Là loại hình sử dụng đất có nhu cầu lao động ở mức trung bình, nhưng cao hơn nhiều loại cây trồng khác, với nhu cầu 260 công lao động trong một năm cho một héc ta, chỉ đứng sau cây lúa và cây rau; cao hơn gấp 2 lần cây sắn, gần gấp 2 lần khoai lang. Tuy nhiên, giá trị ngày công lao động của loại cây trồng này cũng chỉ ở mức trung bình, thấp hơn dưa, rau, đậu và khoai lang, nhưng cao hơn cây lúa, cây sắn. Do đó, cần cân nhắc việc mở rộng loại cây trồng này ở những vùng có thể cho năng suất tốt nhất.

- Loại hình sử dụng đất trồng đậu

Đậu là loại cây trồng có nhu cầu lao động ở mức trung bình, chỉ bằng hơn một nửa nhu cầu lao động của loại cây trồng dưa, rau, lúa, bằng 0,8 nhu cầu lao động của cây ngô; cao hơn cây sắn và khoai lang. Tuy nhiên giá trị ngày công lao động thuộc nhóm cao, cao hơn gấp 4 lần cây lúa và cây sắn, gấp hơn 2 lần cây ngô. Đây là cây trồng có tác dụng cải tạo đất rất tốt, giá bán tương đối cao so với nhiều loại cây trồng. Đến nay, diện tích có xu hướng giảm dần, chỉ còn khoảng trên 582 ha (năm 2015 có 630 ha). Cây trồng này nên được duy trì và phát triển.

- Loại hình sử dụng đất trồng khoai lang

So với nhiều loại cây trồng khác thì đây là loại cây trồng có nhu cầu công vào loại thấp, chỉ cao hơn cây sắn, nên khả năng giải quyết lao động tại chỗ là rất ít. Tuy nhiên, xét về giá trị ngày công lao động thì đây là loại cây trồng có giá trị lao động cao hơn rất nhiều so với cây lúa, sắn, ngô, chỉ đứng sau cây rau. Loại cây trồng này hiện nay không có diện tích lớn, vì vậy nên cân nhắc bố trí sản xuất cho phù hợp.

- Loại hình sử dụng đất trồng cây sắn

Cây sắn là cây không cần nhiều thời gian chăm sóc, chỉ tập trung vào thời gian làm đất, chăm cây trồng và thu hoạch. Vì vậy chỉ đáp ứng được 98 công lao động/ha/vụ, đạt ở mức thấp. Giá trị ngày công thuộc vào nhóm thấp nhất, chỉ 52.000 đồng. Đây là loại hình sử dụng đất phù hợp với khả năng canh tác và nguồn vốn đầu tư, nhưng không có tính bền vững về mặt xã hội. Xét về giá trị ngày công lao động thì thấp hơn hầu hết các cây, chỉ cao hơn cây lúa.

3.3. Hiệu quả về môi trường

- Loại hình sử dụng đất trồng lúa

Kết quả phân tích đây là loại hình có nhu cầu dinh dưỡng khá lớn so với các loại cây hàng năm còn lại ở địa phương. Với nhu cầu đó, tương ứng với việc gây ra mức độ thoái hóa đất nhiều hơn, do lượng dinh dưỡng của đất đai bị khai thác quá nhiều, nên khả năng tự cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng hầu như cạn kiệt, cây trồng được cung cấp dinh dưỡng nhờ chủ yếu vào việc bón phân, nhưng thời gian qua hầu

Kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

như nông dân không còn thói quen sử dụng phân hữu cơ, mà thay vào đó là phân vô cơ, vì tính tiện dụng. Thêm vào đó, cây lúa có nhu cầu sử dụng thuốc trừ cỏ và thuốc bảo vệ thực vật nhiều gấp nhiều lần so với các loại cây trồng còn lại. Với dung lượng cao làm cho đất đai, nguồn nước và không khí xung quanh đều bị suy thoái, thậm chí ô nhiễm ngày càng nặng; làm suy giảm đa dạng sinh học.

- Loại hình sử dụng đất trồng sắn

So với các loại hình sử dụng khác, loại hình trồng cây sắn có nhu cầu dinh dưỡng lớn nhất, với nhu cầu 327 kg đạm, 545 kg lân, 327 kg ka li. Trong quá trình sinh trưởng, sắn lấy đi từ đất rất nhiều dinh dưỡng, nhiều nhất là kali và đạm. Chính nhu cầu cao, lấy đi từ đất nhiều dinh dưỡng, nhưng không có khả năng trả lại dinh dưỡng cho đất, nên loại cây trồng này làm cho đất nhanh bị bạc màu, thoái hóa. Bên cạnh việc sử dụng phân bón, quá trình trồng sắn cũng cần phải sử dụng một lượng thuốc bảo vệ thực vật. Như vậy có thể nói rằng, sắn là loại hình sử dụng đất không bền vững về mặt môi trường.

- Loại hình sử dụng đất trồng cây ngô

Với nhu cầu dinh dưỡng thuộc nhóm cao, xấp xỉ nhu cầu của cây lúa, với 327 kg đạm, 436 kg lân, 273 kg ka li. Nhu cầu sử dụng thuốc trừ cỏ và bảo vệ thực vật cũng cao tương ứng như nhu cầu dinh dưỡng, cao gấp 3 lần so với cây sắn, gấp 02 lần so với khoai lang, chỉ sau cây lúa và cây rau. Với nhu cầu phân, thuốc như vậy cho thấy loại cây này có mức độ lấy đi dinh dưỡng của đất khá nhanh, đồng thời đưa vào đất một lượng hóa chất có hại rất lớn. Tuy nhiên, nếu xét về đặc điểm sinh thái của cây trồng thì đây là loại cây có bộ rễ phát triển mạnh và ăn sâu vào lòng đất. Do đó khả năng hạn chế rửa trôi tương đối tốt hơn so với các cây trồng hàng năm khác.

- Loại hình sử dụng đất trồng dưa, rau

Là loại cây trồng có nhu cầu lớn, thấp hơn một ít so với các loại cây khác, như lúa, ngô, sắn, nhưng cao hơn cây khoai lang và cây đậu. Loại cây này trồng được nhiều vụ trong năm, nên lượng nhu cầu là rất lớn. Xét về mức nhu cầu thuốc bảo vệ thực vật thì cây trồng này chỉ xếp sau cây lúa, cao gấp 3 lần cây sắn, gấp 2 lần khoai lang. Với thói quen sử dụng phân thuốc theo cảm tính, không khoa học, thường cao hơn mức khuyến cáo, nên gây lượng lớn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong đất, nước, không khí khu vực sản xuất và vùng lân cận. Do đó, mặc dù là loại hình có thu nhập cao, nhưng tính bền vững môi trường rất thấp, nếu không có biện pháp canh tác thân thiện với môi trường hơn.

- Loại hình sử dụng đất trồng khoai lang

Xét về nhu cầu dinh dưỡng thì đây là loại cây trồng có nhu cầu thấp, với 164 kg đạm, 382 kg lân, 218 kg ka li, chỉ bằng 2 phần 3 nhu cầu của cây sắn, lúa, ngô; cao hơn cây đậu 1,2 lần. Xét về nhu cầu thuốc bảo vệ thực vật thì cây trồng này thuộc nhóm

trung bình thấp, thấp hơn hầu hết các loại cây hàng năm, chỉ bằng 1 phần 3 nhu cầu của cây lúa, một nửa cây rau, 2 phần 3 so với cây ngô. Với nhu cầu phân thuốc như phân tích thì đây là loại hình sử dụng đất ít gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Loại hình sử dụng đất trồng đậu (đỗ)

Đây là loại cây trồng có nhu cầu phân bón thấp nhất so với các loại hình sử dụng đất khác, chỉ 109 kg đạm, 436 kg lân, 109 kg ka li; bằng một nửa nhu cầu của cây lúa, cây ngô, cây sắn. Xét về nhu cầu phân thuốc thì đây là cây trồng có nhu cầu ở mức trung bình, chưa bằng một nửa nhu cầu của cây lúa, hơn một nửa nhu cầu của rau, bằng 2 phần 3 nhu cầu của cây ngô. Đặc biệt đây là loại cây trồng có khả năng cố định đạm cho đất, nên khả năng cải tạo đất là rất tốt, giúp đất lấy lại cân bằng độ màu mỡ. Do đó, có thể nói, đây cũng là loại hình sử dụng đất ít tác động xấu đến môi trường.

3.3. Giải pháp quản lý, sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025

- Giải pháp về khoa học, kỹ thuật trong quản lý, sử dụng đất nông nghiệp: Tăng cường công tác khuyến nông, xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa người dân với các nhà khoa học, triển khai thí nghiệm nhiều mô hình sản xuất hơn nữa và tiến hành chuyển giao cho người dân để đưa vào áp dụng sản xuất, có các biện pháp cụ thể để cải thiện độ phì của đất, phát triển sản xuất hàng hoá, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ...

- Giải pháp quy hoạch: Quy hoạch phân vùng quỹ đất khoa học hơn nữa theo phân khu chức năng; Triển khai mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; quy hoạch chi tiết, phân vùng chuyên canh, luân canh, loại cây trồng, cơ cấu mùa vụ phù hợp; Đảm bảo sự phù hợp giữa quy hoạch cây trồng của ngành nông nghiệp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của ngành tài nguyên và môi trường.

- Giải pháp về đầu tư và thị trường: Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư; Thực hiện tốt chính sách về vốn và thị trường tiêu thụ sản phẩm; nâng cao vai trò, trách nhiệm của tổ chức hợp tác xã nông nghiệp; có các chính sách hỗ trợ giải quyết đồng bộ các vấn đề: Thị trường, cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật và xây dựng thương hiệu cho từng loại sản phẩm.

4. KẾT LUẬN

Qua đánh giá cho thấy, các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đều có hiệu quả kinh tế mức trung bình đến khá như: Cây dưa, rau, đậu, khoai lang, ngô, riêng cây lúa và sắn kém hiệu quả hơn. Hiệu quả xã hội của nhiều loại cây trồng khá, như dưa, rau, đậu, ngô, lúa, các cây còn lại kém hơn gồm: Khoai lang, sắn. Mức độ tác

Kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

động đến môi trường ở mức vừa phải, trong đó một vài loại cây trồng đáng lưu ý là cây lúa, dưa, rau, sắn, ngô.

Xét về hiệu quả của cả 3 yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường thì chỉ có loại hình trồng lúa và sắn là thấp nhất, các loại hình còn lại ở mức tương đối khá. Tuy nhiên, lúa là cây lương thực quan trọng có tầm chiến lược quốc gia, quyết định an ninh lương thực của đất nước nói chung và của huyện Phú Ninh nói riêng. Vì vậy, đây là cây trồng ưu tiên trong cơ cấu cây trồng ở hiện tại cũng như tương lai.

Trên cơ sở xét để tính hiệu quả và những hạn chế trong sử dụng đất nông nghiệp, các giải pháp quản lý, sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cho huyện Phú Ninh được đề xuất bao gồm giải pháp về khoa học, kỹ thuật trong quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, giải pháp quy hoạch, giải pháp về đầu tư và thị trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chi cục Thống kê huyện Phú Ninh (2017), *Niên giám thống kê huyện Phú Ninh năm 2016*, Phú Ninh.
- [2]. Ủy ban nhân dân huyện Phú Ninh (2005), *Báo cáo quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Ninh đến năm 2015*, Phú Ninh.
- [3]. Ủy ban nhân dân huyện Phú Ninh (2010), *Kế hoạch xây dựng nông thôn mới huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011 – 2020*, Phú Ninh.
- [4]. Ủy ban nhân dân huyện Phú Ninh (2017), *Quy hoạch phát triển sản xuất ngành nông nghiệp huyện Phú Ninh đến năm 2025, định hướng đến 2030*, Phú Ninh.
- [5]. Nguyễn Thị Vòng và các cộng sự (2001), *Nghiên cứu và xây dựng quy trình công nghệ đánh giá hiệu quả sử dụng đất thông qua chuyển đổi cơ cấu cây trồng*, Hà Nội.

ASSESSMENT RESULTS OF THE AGRICULTURAL LAND USE IN PHU NINH DISTRICT, QUANG NAM PROVINCE

Bui Vo Quang

Phu Ninh district, Quang Nam province

*Email: quangvotn@gmail.com

ABSTRACT

Socio-economic development and population growth have created pressure on the land fund of Phu Ninh district, especially agricultural land and the changes of using agricultural land have been increasingly complicated and difficult to control.

Focus on the effectiveness of using agricultural land in Phu Ninh district for the period of 2011 – 2016, the results of the types of land use for agricultural production are from medium to high economic efficiency. In terms of efficiency of all economic, social and environmental factors, only the rice and cassava are the lowest and the remaining ones are relatively good. The assessment results could serve as a basis for further analyzes of the effectiveness of using agricultural land in the orientation of sustainable agricultural development.

Keywords: agricultural land, land use efficiency, Phu Ninh.



Bùi Võ Quảng sinh ngày 19/10/1974 tại Hà Tĩnh. Hiện ông là Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Lĩnh vực nghiên cứu: Quản lý tài nguyên và môi trường

